

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: 488/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 29-12-2022  
V/v “Tranh chấp ly hôn”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Văn Cường**
2. Ông **Phạm Thành Công**

*Thư ký phiên tòa: Bà Cà Thị Lan – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.*

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 335/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 309/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Phạm Thị Xuân Đ**, sinh năm 19xx (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 19xx (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị Xuân Đ trình bày:

Chị Đ và anh T chung sống với nhau từ năm 1993, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường hay nhậu nhẹt, chơi cờ bạc mà còn đánh đập chị Đ thường xuyên, anh T không quan tâm chăm sóc cho các con; chị đã nhiều lần khuyên nhủ và tha thứ cho anh T mà anh T vẫn không thay đổi; Chị Đ đã hết sức chịu đựng nên chị Đ và anh T không còn chung sống với nhau từ năm 2011 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Giữa anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Hữu H, sinh ngày 12/8/19xx và Nguyễn Minh T sinh ngày 08/4/19xx, các con đã trưởng thành nên

không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

\* Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị Đ mặc dù Tòa đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh T

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Phạm Thị Xuân Đ yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn T, sinh năm 19xx, ngụ tại ấp T, xã T, huyện G nên đây là quan hệ “*Tranh chấp ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của anh T đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn T.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Xuân Đ và anh Nguyễn Văn T có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét yêu cầu ly hôn của chị Đ, căn cứ vào lời khai của chị, Hội đồng xét xử nhận thấy, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T đam mê cờ bạc, thường xuyên nhậu nhẹt về nhà kiêu chuyện đánh đập chị nhiều lần, chị Đ đã nhiều lần khuyên nhủ và tha thứ nhưng anh T vẫn không thay đổi, anh chị đã không còn chung sống với nhau từ năm 2011 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn. Từ những tình tiết nêu trên, cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ với anh Tuyến là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Giữa anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Hữu H, sinh ngày 12/8/19xx và Nguyễn Minh T sinh ngày 08/4/19xx, các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Phạm Thị Xuân Đ có yêu cầu ly hôn nên chị Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Xuân Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Xuân Đ và anh Nguyễn Văn T được ly hôn.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị Xuân Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0028054 ngày 26/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị Phạm Thị Xuân Đ đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Xuân Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án và anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**Nơi nhận:**

- VKSND H.G;
- CC.THADS H.G;
- UBND xã T, H.G;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Diễm Trinh**